

**CHÍNH PHỦ**

-----

Số: /2017/NĐ-CP

**DỰ THẢO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

## **NGHỊ ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý đường thủy nội địa và cảng, bến thủy nội địa.*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về quản lý đầu tư xây dựng, khai thác đường thủy nội địa và cảng, bến thủy nội địa; hoạt động giao thông vận tải trên đường thủy nội địa và trong vùng nước cảng, bến thủy.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, phương tiện, tàu biển Việt Nam, phương tiện thủy nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng, khai thác đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa và hoạt động giao thông vận tải trên đường thủy nội địa và trong vùng nước cảng, bến thủy.

##### **Điều 3. Áp dụng pháp luật**

Khi hoạt động trên đường thủy nội địa và trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, mọi tổ chức, cá nhân, phương tiện, tàu biển Việt Nam, phương tiện thủy nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành phải chấp hành các quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa, tại Nghị định này, các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

##### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

##### **Điều 5. Nội dung quản lý nhà nước đường thủy nội địa và cảng, bến thủy nội địa**

##### **Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đường thủy nội địa và cảng, bến thủy nội địa**

### **Chương II**

#### **QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

##### **Mục 1. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 7. Nguyên tắc đầu tư xây dựng luồng đường thủy nội địa**

**Điều 8. Thẩm quyền quyết định hình thức đầu tư xây dựng luồng đường thủy nội địa**

## **Mục 2. QUẢN LÝ LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 9. Phân loại đường thủy nội địa**

**Điều 10. Thẩm quyền phân loại**

**Điều 11. Mở, đóng luồng đường thủy nội địa**

**Điều 12. Thẩm quyền cho ý kiến xây dựng công trình**

**Điều 13. Báo hiệu đường thủy nội địa**

**Điều 14. Hạn chế giao thông, điều tiết đảm bảo an toàn giao thông giao thông đường thủy nội địa**

**Điều 15. Thẩm quyền hạn chế giao thông**

**Điều 16. Quản lý giao thông đường thủy và bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy trên tuyến đường thủy nội địa**

## **Chương III**

### **QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, KHAI THÁC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

#### **Mục 1. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 17. Nguyên tắc đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa**

**Điều 18. Thuê khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa do nhà nước đầu tư**

**Điều 19. Lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch phát triển cảng, bến thủy nội địa**

**Điều 20. Giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch, xây dựng cảng, bến thủy nội địa**

#### **Mục 2. CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG CẢNG, CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 21. Điều kiện công bố hoạt động, cấp giấy phép hoạt động đối với cảng, bến thủy nội địa**

**Điều 22. Thẩm quyền công bố cảng, cấp giấy phép cảng, bến thủy nội địa**

**Điều 23. Thủ tục công bố hoạt động cảng thủy nội địa**

**Điều 24. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa**

**Điều 25. Công bố đình chỉ hoạt động cảng, bến thủy nội địa**

**Điều 26. Kiểm tra chất lượng công trình cảng thủy nội địa**

**Điều 27. Trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng công trình cảng thủy nội địa**

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIAO THÔNG TẠI CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 28. Yêu cầu chung đối với phương tiện thủy**

**Điều 29. Thủ tục đối với phương tiện thủy nước ngoài khi đến cảng thủy nội địa**

**Điều 30. Thủ tục phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa**

**Điều 31. Thủ tục phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa**

**Điều 32. Quy định miễn, giảm thủ tục vào, rời cảng, bến thủy nội địa**

**Điều 33. Điều kiện phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa**

**Điều 34. Thời gian làm thủ tục tại cảng, bến thủy nội địa**

**Điều 35. Trình tự và hình thức khai báo thủ tục phương tiện vào, rời và hoạt động tại cảng, bến thủy nội địa**

**Điều 36. Quy trình thủ tục cho phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa**

#### **Chương V**

### **BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG, AN NINH VÀ TRẬT TỰ TRÊN PHƯƠNG TIỆN VÀ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 37. Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa**

**Điều 38. Treo cờ trên phương tiện**

**Điều 39. Hoa tiêu đường thủy nội địa**

**Điều 40. An toàn, an ninh và trật tự trên phương tiện**

**Điều 41. Trách nhiệm của thuyền trưởng khi xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách**

**Điều 42. Bảo đảm trật tự, an toàn trong vùng đất của cảng, bến, bến thủy nội địa**

#### **Chương VI**

### **PHÒNG, CHỐNG CHÁY, NỔ VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 43. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến thủy nội địa và phương tiện về phòng, chống cháy, nổ**

**Điều 44. Phối hợp tổ chức phòng chống cháy, nổ; phòng ngừa ô nhiễm môi trường, vệ sinh tại cảng, bến thủy nội địa.**

#### **Chương VII**

### **BẢO VỆ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 45. Nguyên tắc bảo vệ công trình cảng, bến thủy nội địa và luồng đường thủy nội địa**

**Điều 46. Trách nhiệm bảo vệ công trình cảng, bến thủy nội địa và luồng đường thủy nội địa**

**Điều 47. Các hành vi bị cấm**

**Điều 48. Xử lý vi phạm quy định về bảo vệ công trình cảng, bến thủy nội địa và luồng đường thủy nội địa.**

#### **Chương VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 49. Hiệu lực thi hành**

**Điều 50. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành.**